

Số: 62 /QĐ-VP

Mỹ Hòa Hưng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Mỹ Hòa Hưng

### CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ MỸ HÒA HƯNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách xã Mỹ Hòa Hưng;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Mỹ Hòa Hưng (theo biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận Văn phòng, công chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VP.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Võ Minh Hoàng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
Văn phòng HĐND - UBND xã Mỹ Hòa Hưng

Chương: 830

Mã Quan hệ ngân sách: 1146131

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-VP ngày 31 /12/2025 của Văn phòng HĐND và UBND xã Mỹ Hòa Hưng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí, thu khác</b>	
	Thu phí, lệ phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
1	Chi quản lý nhà nước	
	- Thu phí	
	- Thu lệ phí	
<b>III</b>	<b>Số thu phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
	- Thu phí	
	- Thu lệ phí	
<b>B</b>	<b>Ngân sách địa phương</b>	<b>12,481</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)</b>	<b>5,819</b>
	<b>a, Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>3,629</b>
	- Tổng số biên chế khoán	19
	- Tổng số kinh phí giao khoán	3,388
	+ Tiền lương, PCL, các khoản đóng góp	2,740
	+ Kinh phí hoạt động thường xuyên	648
	<i>Trong đó: đã trừ tiết kiệm 10% làm nguồn CCTL</i>	72
	- Tiền lương biên chế chưa có mặt (01 người)	65
	- Quỹ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của CP	176
	<b>b, Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2,190</b>
	- Kinh phí hoạt động của HĐND theo NQ 18/2023/NQ-HĐND	136
	- Phụ cấp đại biểu HĐND cấp xã	351
	- BHYT đại biểu HĐND cấp xã (6 người x 1.263.400đ)	4
	- Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở ấp (Trưởng ấp, Trưởng Ban CTMT)	1,407
	- Kinh phí BHXH, BHYT người hoạt động không chuyên trách ở ấp (theo Công văn số 182/BHXH-QLT ngày 12/8/2025 của BHXH tỉnh An Giang) (17% x 2tr340 x 18 người) + (2,25% x 2tr340 x 18 người)	97
	- Kinh phí hoạt động khám theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 (24 triệu/khóm/năm)	195
	<i>Trong đó: đã trừ tiết kiệm 10% làm nguồn CCTL</i>	37
<b>II</b>	<b>Hội (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ) (Loại 340 - Khoản 362)</b>	<b>1,173</b>
	- Chi bồi dưỡng người tham gia công việc ở ấp	607
	- Kinh phí BHYT người tham gia công việc ở khóm (theo Công văn số 182/BHXH-QLT ngày 12/8/2025 của BHXH tỉnh An Giang) (2,25% x 2tr340 x 26 người)	16
	- Phụ cấp Phó trưởng ấp, ấp đội trưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND và 07/2025/NQ-HĐND	544
	- Kinh phí BHYT người tham gia công việc ở khóm (theo Công văn số 182/BHXH-QLT ngày 12/8/2025 của BHXH tỉnh An Giang) (2,25% x 2tr340 x 9 người)	6

<b>III</b>	<b>Chi Quốc phòng (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)(Loại 010 - Khoản 011)</b>	<b>4,256</b>
	- Trợ cấp ngày công lao động lực lượng dân quân thường trực mức 327.600đ/ng/ngày (tính 22 ngày/tháng x 28CS) theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025	2,422
	- Hỗ trợ tiền ăn lực lượng dân quân thường trực mức 72.000đ/người/ngày (tính 30 ngày x 28CS) theo Thông tư số 96/2025/TT-BQP ngày 25/8/2025	726
	- Hỗ trợ đóng BHXH, BHYT của lực lượng dân quân [(BHXH 2.340.000đ x 2 lần x 22,5%) + (BHYT 2.340.000 x 4.5%)] x 28 CS x 12 tháng	389
	- Phụ cấp đặc thù Trung đội trưởng TT, CD (02 BC x 468,000đ x 50% x 12 tháng)	6
	- Phụ cấp đặc thù Tiểu đội trưởng TT (03 BC x 280,800đ x 50% x 12 tháng)	5
	- Phụ cấp đặc thù Tiểu đội trưởng CD (03 BC x 234,000đ x 50% x 12 tháng)	5
	- PC Chính trị viên, chỉ huy trưởng (02BC x 561,600đ x 12 tháng)	14
	- PC Phó Chính trị viên, chỉ huy phó (02BC x 514,800đ x 12 tháng)	13
	- PC Trung đội trưởng TT, CD (02 BC x 468,000đ x 12 tháng)	12
	- PC Tiểu đội trưởng TT (03 BC x 280,800đ x 12 tháng)	11
	- PC Tiểu đội trưởng CD (03 BC x 234,000đ x 12 tháng)	9
	- PC Áp đội trưởng (NĐ 16/2025) (09 BC x (234,000đ + 280,800đ) x 12 tháng)	56
	- PC Khẩu đội trưởng (01BC x 234,000đ x 12 tháng)	3
	- Kinh phí hoạt động	585
	<i>Trong đó: đã trừ tiết kiệm 10% kinh phí hoạt động</i>	65
<b>III</b>	<b>Chi An ninh (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)(Loại 040 - Khoản 041)</b>	<b>1,233</b>
	- Chi hỗ trợ, bồi dưỡng LL BVANTTCS (theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND)	877
	- Bồi dưỡng làm nhiệm vụ bảo đảm ANTT, tuần tra vào ban đêm (50.000đ/ng/ngày; 10 ngày/tháng)	192
	- Kinh phí hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (700.000 đ/người/năm)	22
	- Hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	142